**Sở GD&ĐT TP. Hồ Chí Minh**

**Trường THPT Trần Văn Giàu**

**Tổ Ngữ Văn**

**KẾ HOẠCH HỌC TẬP MÔN NGỮ VĂN 12 (BAN CƠ BẢN)**

**TUẦN 28 TỪ 30/3 ĐẾN 3/4/2020**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **THỜI GIAN** | **ĐƠN VỊ KIẾN THỨC** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| **TIẾT 1,2**  **(BAN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI)** | Ôn tập phần văn học (học kì 2) | **Câu 1 (trang 197 sgk Ngữ Văn 12 Tập 2):**     \* Số phận và cảnh ngộ của người dân lao động:   - Trong tác phẩm *Vợ chồng A Phủ* (Tô Hoài): Tô Hoài đã khắc họa hình ảnh những kiếp người đau khổ trong xã hội cũ. Họ là những người dân tộc miền núi Tây Bắc, cùng lúc bị thực dân Pháp, chế độ phong kiến (thóng lí Pá Tra), những quan niệm mê tín dị đoan và những hủ tục xa xưa siết chặt.     Tuy nhiên, ở họ vẫn tiềm tàng một sức sống mãnh liệt, hai người nô lệ là Mị và A Phủ gặp nhau, cảm thông cho hoàn cảnh, nỗi khổ của nhau rồi tự giải thoát cho nhau và cùng hướng đến một tương lai tốt đẹp.     - Trong tác phẩm *Vợ nhặt* (Kim Lân): Tác giả đặt nhân vật nào bối cảnh nạn đói năm 1945. Ngòi bút của tác giả đi sâu phân tích hiện thực bằng cái nhìn vừa đau xót vừa căm giận, đồng thời cũng thể hiện thành công niềm khao khát hạnh phúc của con người.     \* Nét đặc sắc trong giá trị tư tưởng của mỗi tác phẩm:     - Trong tác phẩm *Vợ chồng A Phủ* (Tô Hoài):  + Sự cảm thông với số phận của những con người bất hạnh.        + Thái độ phê phán sâu sắc của nhà văn đối với bọn quan lại phong kiến miền núi, những hủ tục lỗi thời trà đạp lên hạnh phúc của con người.        + Phát hiện và sự trân trọng của tác giả với những phẩm chất cao đẹp của người, nhất là tình yêu tự do và sức sống tiềm tàng mãnh liệt của người dân miền núi.     - Trong tác phẩm *Vợ nhặt* (Kim Lân):        + Tố cáo tội ác của bọn thực dân, phát xít và tay sai đã gây ra nạn đói khủng khiếp năm 1945. Trong hoàn cảnh ấy, giá trị con người thật rẻ rúng.        + Tác giả trân trọng những phẩm chất tốt đẹp của con người.        + Niềm cảm thông với số phận của họ.  **Câu 2 (trang 197 sgk Ngữ Văn 12 Tập 2):**     \* Trong *Rừng xà nu* (Nguyễn Trung Thành): Tác phẩm là một bản anh hùng ca về cuộc đời anh dũng, đau thương nhưng kiên cường, bất khuất của Tnú cũng như tất cả dân làng Xô Man.     - Câu chuyện được kể trên nền tảng chính là hình tượng cây xà nu – một hình tượng hàm chứa nhiều ý ngĩa tượng trưng và khái quát. Những cây xà nu như những con người, những tâm hồn tràn đầy sức sống, vươn mình lên cường tráng trước mọi đau thương.     - Cây xà nu là một hình ảnh mang tính biểu tượng cho khát vọng tự do, khát vọng giải phóng, cho phẩm chất anh hùng và sức sống tiềm tàng mãnh liệt của dân làng Xô Man.     - Dưới bóng cây xà nu, lớp lớp các thế hệ người Xô Man đã trưởng thành và chiến đấu cho sự nghiệp cách mạng chung của buôn làng, đất nước. Đó là các thế hệ người nối tiếp nhau trong cuộc kháng chiến: Từ cụ Mết, đến Tnú, Mai, rồi Dít, Heng. Họ đều mang những phẩm chất chung của cộng đồng – phẩm chất anh hùng: đều là những người yêu làng, yêu nước, bất khuất kiên trung, thủy chung với cách mạng. Tuy vậy, ở họ cũng mang những vẻ đẹp tính cách và phẩm chất riêng.        + Cụ Mết tiêu biểu cho tính cách quật cường của dân tộc, người trực tiếp truyền ngọn lửa tự do tới con cháu.        + Tnú, Mai thuộc thế hệ được tiếp nhận lí tưởng cách mạng ngay từ những năm tháng đau thương, đen tối nhất của dân làng Xô Man. Họ trải qua nhiều đau thương, căm hận, cả những mất mát hi sinh rồi trưởng thành.        + Dít: dũng cảm, kiên cường, đại diện cho thế hệ đang chiến đấu vì sự nghiệp giải phóng dân tộc.        + Bé Heng: là hình ảnh tiêu biểu cho thế hệ tương lai để đưa cuộc chiến đấu tới thắng lợi cuối cùng.     \* *Những đứa con trong gia đình* (Nguyễn Thi): truyền thống anh hùng cách mạng trong tác phẩm được thể hiện rõ nét trong truyền thống yêu nước đáng tự hào của một gia đình nông dân Nam Bộ.     - Thể hiện qua các nhân vật: chú Năm, chị Chiến, Việt.         + Họ đều yêu thương gia đình.         + Thù sâu với giặc         + Đều đặt lợi ích chung lên lợi ích riêng.         + Tinh thần chiến đấu dũng cảm.  **Câu 3 (trang 197 sgk Ngữ Văn 12 Tập 2):**     Ở truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa*, Nguyễn Minh Châu đã khéo léo xây dựng lên tình huống truyện nhận thức, các nhân vật đi từ ngộ nhận đến chỗ hiểu biết và giác ngộ chân lí đời sống.     - Trước khi nghe câu chuyện của người đàn bà hành chài ở tòa án huyện nghệ sĩ Phùng và chánh án Đẩu đều ngộ nhận về hạnh phúc con người vì cả hai chỉ nhìn cuộc đời thật đơn giản, bề ngoài.     - Trong khi nghe câu chuyện của người đàn bà hàng chài, nghệ sĩ Phùng và chánh án Đẩu dần dần có sự thay đổi thái độ từ giận dỗi đến nhẹ nhàng, cảm thông chia sẻ.     - Sau khi nghe xong câu chuyện của người đàn bà hàng chài, cả hai đều nhận ra chân lí cuộc sống, chân lí cuộc đời. Qua đó, Nguyễn Minh Châu muốn truyền đến mọi người thông điệp có tính thời sự lúc bấy giờ từ nghệ thuật đến chính trị, pháp luật đều phải gắn liền với thực tiễn đời sống.  **Câu 4 (trang 197 sgk Ngữ Văn 12 Tập 2):**     Ý nghĩa tư tưởng của đoạn trích *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (Lưu Quang Vũ):        + Phê phán những lối sống cực đoan trong xã hội đương thời hoặc quá đề cao đời sống vật chất thành phàm tục hoặc quá đề cao đời sống tinh thần thành kẻ ra rời thực tế.        + Quan niệm của tác giả cuộc sống hạnh phúc là sự hài hòa giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần của con người.        + Phê phán lối sống giả tạo, sống nhờ, sống mượn. Lối sống ấy chỉ đem lại bi thảm cho bản thân và những người xung quanh. Hạnh phúc chỉ có được khi ta sống là chính mình.        + Thông cảm sâu sắc với bi kịch tinh thần của con người khi không được sống là chính mình.  **Câu 5 (trang 197 sgk Ngữ Văn 12 Tập 2):**     Ý nghĩa tư tưởng và đặc sắc nghệ thuật của truyện ngắn *Số phận con người* của M. Xô - lô - khốp:     \* Ý nghĩa tư tưởng tác phẩm:     - Tác phẩm là bài ca giản dị mà mà hào hùng, ca ngợi tính cách Nga nhân hậu hết mực mà bản lĩnh phi thường.     - Hai nét tính cách này có mối quan hệ mật thiết với nhau, giúp con người thêm nghị lực vượt qua nghịch cảnh. Nghịch cảnh lại gắn kết những con người bất hạnh ngày càng bền chắc hơn.     \* Đặc sắc nghệ thuật:     - Lối kể chuyện tự nhiên, miêu tả nhẹ nhàng, chọn chi tiết đặc sắc.     - Nghệ thuật miêu tả tâm lí:        + Lời nhân vật được bộc bạch.        + Nghệ thuật xây dựng tình huống để bộc lộ tâm lí.  **Câu 6 (trang 197 sgk Ngữ Văn 12 Tập 2):**     \* Trong truyện ngắn *Thuốc* của Lỗ Tấn, thuốc là hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng nhằm phê phán căn bệnh của người Trung Quốc đầu thế kỉ XX đó là:     - Thuốc trước hết được hiểu là thuốc chữa bệnh.     - Thuốc chữa bênh nan ý cho người nghèo thì chỉ là thứ bùa mê của người dân Trung Quốc dưới thời nô lệ nó đem đến cho họ niềm tin ngu xuẩn, niềm vui tâm hồn và hết sức vu vơ.     - Thuốc cứu nước của Trung Hoa, máu của người cách mạng là một thứ thuốc để cứu đất nước nhưng lại là thứ thuốc để chữa bệnh lao. Từ đó tác giả đặt ra vấn đề phải tìm ra thuốc chữa bệnh mu muội của người dân.     \* Đặc sắc nghệ thuật truyện ngắn *Thuốc* (Lỗ Tấn):     - Cốt truyện đơn giản nhưng có sự độc đáo ở việc lựa chọn các tình tiết, cách xắp xếp thời gian nghệ thuật và không gian truyện.     - Nghệ thuật tả cảnh: chỉ có tả mới phơi bày một cách khách quan, lạnh lùng trước thái độ mu muội của quần chúng nhân dân mà vô cảm trước máu của người cách mạng.  **Câu 7 (trang 197 sgk Ngữ Văn 12 Tập 2):**     Ý nghĩa biểu tượng của đoạn trích *Ông già và biển cả* ( Hê – minh –uê):     \* Hình tượng con cá kiếm:     - Biểu tượng cho ước mơ, lí tưởng mà mỗi người thường theo đuổi trong cuộc đời.     - Biểu tượng cho cái đẹp – là đối tượng tìm kiếm, săn đuổi một đời của nhà văn hay những người làm nghệ thuật nói chung.     \* Hành trình săn bắt cá của ông lão biểu tượng cho hành trình thực hiện khát vọng, ước mơ của con người. Qua đó, tác giả gửi gắm niềm tin lớn lao vào con người trong bất kì hoàn cảnh nào “Con người có thể bị hủy diệt nhưng không thể bị đánh bại”. | **HS chép nội dung ở tiết 1,2 vào tập bài học.** |
| **TIẾT 3**  **(BAN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI)** | Ôn tập phần tiếng Việt (học kì II) | **1. Nhân vật giao tiếp**  Trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ:  Nhân vật giao tiếp xuất hiện với vai người nói (người viết) hoặc người nghe (người đọc)  Ở giao tiếp dạng nói, các nhân vật giao tiếp thường đổi vai và luân phiên lượt lời với nhau  Các nhân vật giao tiếp có thể có vị thế ngang hàng hoặc cách biệt, có thể xa lạ hay có quan hệ thân tình. NHững đặc điểm đó cùng với những đặc điểm riêng biệt khác của từng người (từng lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, vốn sống, văn hóa,...) luôn luôn chi phối lời nói của họ về nội dung và hình thức ngôn ngữ  Để đạt được mục đích và hiệu quả giao tiếp, mỗi nhân vật giao tiếp tùy thuộc vào ngữ cảnh mà lựa chọn và thực hiện một chiến lược giao tiếp phù hợp (bao gồm việc lựa chọn đề tài, nội dung, phương tiện ngôn ngữ, cách thức, thứ tự nói hoặc viết,...)  **2. Hàm ý và cách sử dụng hàm ý**  Nghĩa tường minh và hàm ý  Phần thông báo được diễn đạt trực tiếp bằng từ trong câu  Hàm ý: phần thông báo tuy không được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu nhưng có thế suy ra từ những từ ngữ ấy  Điều kiện sử dụng hàm ý:  Người nói (người viết) có ý thức đưa hàm ý vào câu nói  Người nghe (người đọc) có năng lực giải đoán hàm ý  **3. Phong cách ngôn ngữ hành chính**  Đặc điểm văn bản hành chính:  Là các thông tư, nghị định, pháp lệnh, giấy chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ, đơn từ, báo cáo, biên bản...  Cách trình bày: soạn thảo theo một kết cấu thống nhất, thường có 3 phần theo khuôn mẫu nhất định  Về từ ngữ: có một lớp từ ngữ được dùng với tần số cao như căn cứ, được sự ủng hộ, được sự uy nhiệm,...  Về kiểu câu: Có những văn bản tuy dài nhưng chỉ là kết cấu của một câu  Đặc trưng của phong cách ngôn ngữ hành chính  Tính khuôn mẫu: kết cấu văn bản thống nhất, thường gồm 3 phần; có nhiều loại và có thể in sẵn, khi dùng chỉ cần điền nội dung cụ thể.  Tính minh xác: Câu chỉ có một nghĩa, rõ ràng, không sử dụng câu đa nghĩa, biện pháp tu từ; không được gạch xóa, sửa đổi, đòi hỏi chính xác từng dấu chấm, phẩy  Tính công vụ: là ngôn ngữ dùng trong giao tiếp công vụ, công việc của cả tập thể, cộng đồng nên những từ ngữ biểu đạt tình cảm, cảm xúc cá nhân hạn chế ở mức tối đa. |  |
| **TIẾT 4**  **(BAN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI)** |  | **1. Các kiểu văn bản đã học trong chương trình Ngữ văn Trung học phổ thông:**   - Tự sự: trình bày các sự việc (sự kiện) có quan hệ nhân quả dẫn đến kết cục nhằm biểu hiện con người, đời sống, tư tưởng, thái độ,...     - Thuyết minh: Trình bày thuộc tính, nguyên nhân, kết quả của sự vật, hiện tượng, vấn đề...nhằm giúp người đọc có tri thức và thái độ đúng đắn với đối tượng được thuyết minh.     - Nghị luận: trình bày tư tưởng quan điểm, nhận xét, đánh giá,... đối với các vấn đề xã hội hoặc văn học qua các luận điểm, luận cứ, lập luận có tính thuyết phục.     Ngoài ra còn có các loại văn bản khác: văn bản báo chí, văn bản hành chính,văn bản tổng kết, bản tin,...  **2. Để viết được một văn bản, cần thực hiện:**     - Tìm hiểu đề, xác định được yêu cầu bài viết.     - Tìm và chọn ý cho bài văn.     - Lập dàn ý.     - Viết văn bản theo dàn ý đã xác định.     - Đọc lại và hoàn chỉnh bài viết.  **3. Ôn tập về văn nghị luận**  **a. Đề tài cơ bản của văn nghị luận trong nhà trường:**     - Nghị luận về tư tưởng đạo lí.     - Nghị luận về một hiện tượng đời sống (nghị luận xã hội).     - Nghị luận về một tác phẩm hoặc một đoạn trích.     - Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học.     \* Điểm chung:         + Đều trình bày tư tưởng, quan điểm, nhận xét đánh giá... đối với các vấn đề nghị luận.         + Đều sử dụng các yếu tố lập luận có tính thuyết phục.     \* Điểm khác biệt:         + Đối với đề bài nghị luận xã hội, người viết cần có vốn sống, vốn hiểu biết thực tế, hiểu biết xã hội phong phú, sâu sắc,...         + Đối với đề bài nghị luận văn học: người viết cần phải nắm chắc kiến thức văn học, cảm thụ tác phẩm,...  **b. Lập luận trong văn nghị luận**     - Lập luận gồm: Luận điểm, luận cứ và phương pháp lập luận.     - Luận điểm là ý kiến thể hiện quan điểm của người viết đối với vấn đề nghị luận. Luận cứ là những lí lẽ, dẫn chứng để soi sáng cho luận điểm. Phương pháp lập luận là cách xây dựng, sắp xếp luận cứ theo một hệ thống khoa học, chặt chẽ để làm sáng tỏ luận điểm.     - Yêu cầu cơ bản và các xác định luận cứ cho luận điểm: Luận cứ phải tiêu biểu, chính xác, đầy đủ và được sắp xếp, phân tích, lí giải hợp lí, thuyết phục.     - Các thao tác lập luận: giải thích, chứng minh, bình luận, phân tích, so sánh, bác bỏ.     - Khi lập luận cần tránh:         + Luận điểm không rõ ràng, chính xác.         + Luận cứ không đầy đủ, không tiêu biểu.         + Cách lập luận thiếu thuyết phục...  **c. Bố cục của bài văn nghị luận**     - Mở bài có vai trò nêu vấn đề nghị luận, định hướng cho bài nghị luận và thu hút sự chú ý của người đọc (người nghe).         + Yêu cầu của mở bài: thông báo chính xác, ngắn gọn về đề tài, hướng người đọc vào đề tài một cách tự nhiên, gợi hứng thú với vấn đề được trình bày trong văn bản.         + Cách mở bài: có thể trực tiếp hoặc gián tiếp.     - Thân bài: là phần chính của bài viết. Nội dung cơ bản của phần thân bài là triển khai vấn đề thành các lập luận điểm, luận cứ với cách sử dụng các phương pháp lập luận thích hợp.         + Các nội dung của phần thân bài phải được sắp xếp một cách có hệ thống, các nội dung phải có quan hệ chặt chẽ, logic.         + Giữa các đoạn trong phần thân bài phải có sự chuyển ý để đảm bảo tính liên kết giữa các ý, các đoạn.  c. Kết bài có vai trò thông báo về sự kết thúc của việc trình bày đề tài, nêu đánh giá khái quát của người viết về những vấn đề nổi bật nhất của vấn đề, gợi liên tưởng rộng hơn, sâu sắc hơn.  **d. Diễn đạt trong văn nghị luận**     - Yêu cầu:         + Chặt chẽ, thuyết phục cả về lí trí và tình cảm.         + Cách dùng từ, viết câu chính xác, linh hoạt.         + Giọng văn sinh động thích hợp với nội dung biểu đạt. | HS xem VB ở SGK Ngữ Văn tập 2 |
| **TIẾT 5 (CHỈ DÀNH CHO BAN XÃ HỘI)** | Làm đề NLVH | Khép lại tác phẩm *Chiếc thuyền ngoài xa*, Nguyễn Minh Châu viết: *Không những trong bộ lịch năm ấy mà mãi mãi về sau, tấm ảnh chụp của tôi vẫn còn được treo ở nhiều nơi, nhất là trong các gia đình sành nghệ thuật. Quái lạ, tuy là ảnh đen trắng nhưng mỗi lần ngắm kĩ, tôi vẫn thấy hiện lên cái màu hồng hồng của ánh sương mai lúc bấy giờ tôi nhìn thấy từ bãi xe tăng hỏng, và nếu nhìn lâu hơn, bao giờ tôi cũng thấy người đàn bà ấy đang bước ra khỏi tấm ảnh, đó là một người đàn bà vùng biển cao lớn với những đường nét thô kệch, tấm lưng áo bạc phếch có miếng vá, nửa thân dưới ướt sũng, khuôn mặt rỗ đã nhợt trắng vì kéo lưới suốt đêm. Mụ bước những bước chậm rãi, bàn chân giậm trên mặt đất, hòa lẫn trong đám đông…*  Hãy phân tích ấn tượng lạ lùng của nhân vật Phùng ở đoạn văn trên để thấy quan niệm của tác giả về nghệ thuật. |  |